|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: **ĐỊA LÍ**KHỐI LỚP: **11**TUẦN: 7 /HK1 (từ 18/10 đến 23/10/2021) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

 **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**Bài 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC (tt)**

**Tiết 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á**

**VÀ KHU VỰC TRUNG**  **Á**

**I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:**

**Nội dung 1: ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ TRUNG Á.**

- Học sinh đọc mục 1: TÂY NAM Á. Một số vấn đề tự nhiên-dân cư xã hội của khu vực. trang 28,29 sách giáo khoa địa lí 11.

- Học sinh đọc kiến thức SGK và dựa vào hình 5.5 (sgk) trang 28,29, trả lời câu hỏi trang 29 giữa bàisách giáo khoa địa lí 11.

- Học sinh đọc mục 2: TRUNG Á. Một số vấn đề tự nhiên - dân cư - xã hội trang 30sách giáo khoa địa lí 11.

- Học sinh đọc kiến thức SGK và dựa vào hình 5.7 (sgk) trang 30, trả lời câu hỏi trang 30 giữa bàisách giáo khoa địa lí 11.

- Học sinh đọc kiến thức SGK rút ra nét tương đồng giữa hai khu vực Tây Nam Á và Trung Á

**Nội dung 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM VÀ TRUNG Á**

- Học sinh đọc mục 1: Vai trò cung cấp dầu mỏ trang 31 sách giáo khoa địa lí 11

- Học sinh đọc kiến thức SGK và dựa vào Hình 5.8 (sgk) trang 31 trả lời câu hỏi trang 31 giữa bàisách giáo khoa địa lí 11.

- Học sinh đọc mục 2: Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo và nạn khủng bố trang 32 sách giáo khoa địa lí 11

- Học sinh đọc kiến thức SGK và dựa vào hình 5.9 (sgk) trang 32 trả lời câu hỏi trang 32 giữa bàisách giáo khoa địa lí 11

**II: KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:**

**I. ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ TRUNG Á.**

|  |  |
| --- | --- |
| Tây Nam Á | Trung Á |
| - Có 20 quốc gia- Diện tích: Khoảng 7 triệu km2. - Dân số:  hơn 313 triệu người.- Vị trí: Nằm ở Tây Nam châu Á, tiếp giáp 3 châu lục: Á, Âu, Phi; án ngữ kênh đào Xuy ê là đường hàng hải quốc tế quan trọng từ Á sang Âu. - Có ý nghĩa chiến lược về kinh tế, giao thông, quân sự.- Khí hậu khô, nóng, nhiều núi cao nguyên và hoang mạc.- Khoáng sản: giàu dầu mỏ nhất thế giới chiếm 50% trữ lượng dầu mỏ thế giới, tập trung quanh vịnh Péc-xích.- Xã hội: + Là cái nôi của nền văn minh nhân loại. + Nơi ra đời của nhiều tôn giáo. + Phần lớn dân cư theo đaọ Hồi. | - Có 6 quốc gia (5 quốc gia thuộc LBXV cũ và Mông Cổ)- Diện tích: 5,6 triệu km2.- Dân số: hơn 80 triệu người.- Vị trí: Nằm ở trung tâm châu Á, không tiếp giáp với đại dương, án ngữ trên con đường tơ lụa. - Có vị trí chiến lược về kinh tế, quân sự.- Khí hậu: Khô hạn (cận nhiệt đới và ôn đới lục địa), nhiều thảo nguyên và hoang mạc.- Khoáng sản: dầu khí, than đá, sắt, đồng, tiềm năng thủy điện, vàng, urani, muối mỏ - Xã hội: + Đa dân tộc, mật độ dân số thấp. + Phần lớn dân cư theo đaọ Hồi (trừ Mông Cổ). + Vùng có sự giao thoa văn hoá Đông Tây. |

**3. Nét tương đồng giữa hai khu vực Tây Nam Á và Trung Á**
- Là những khu vực có vị trí mang tính chiến lược

- Khí hậu khô hạn. Dân cư theo đạo hồi
- Giàu tài nguyên khoáng sản (dầu mỏ)
 - Đang tồn tại những mâu thuẫn liên quan đến tranh chấp quyền lợi về đất đai, tài

nguyên dẫn đến các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo và khủng bố.

**II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM VÀ TRUNG Á**

**1. Vai trò cung cấp dầu mỏ**

- Trữ lượng dầu lớn, riêng khu vực Tây Nam Á đã chiếm 50% trữ lượng của thế giới trong đó các quốc gia có sản lượng lớn (Ả-rậpXê-ut, Iran, Irắc, Cô-oet).

- Là nơi cung cấp dầu mỏ chính cho thế giới (riêng khu vực Tây Nam Á cung cấp khoảng 15 triệu thùng dầu/ngày)

- Tình hình chính trị, xã hội luôn bất ổn định mà nguyên nhân sâu xa là sự cạnh tranh nguồn dầu mỏ và vị trí địa chính trị quan trọng.

**2. Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo và nạn khủng bố.**

**a. Thực trang:**

**-** Luôn xảy ra các cuộc chiến trang, xung đột, nạn khủng bố.

 Ví dụ: Xung đột dai dẳng của người Ảrập - Do Thái, chiến tranh I-ran với I-Rắc, giữa I-Rắc với Cô-oét, Ix-ra-en với Pa-lét-xtin và các nước Ả-rập).
 **b. Nguyên nhân:**
 + Do tranh chấp quyền lợi: đất đai, nguồn nước và tài nguyên.

 + Sự khác biệt về tư tưởng, định kiến về tôn giáogiành
 + Các thế lực bên ngoài can thiệp nhằm vụ lợi.

 **c. Hậu quả:**

 + Gây mất ổn định ở mọi quốc gia, trong khu vực và làm ảnh hưởng đến các quốc gia khác.

 + Đời sống nhân dân bị đe doạ, không được cải thiện, kinh tế bị huỷ hoại và chậm phát triển.

 + Gây ảnh hưởng đến giá dầu và phát triển kinh tế thế giới.

**d. Biện pháp giải quyết:** cần phải chống khủng bố, tạo ra sự ổn định an ninh để có điều kiện phát triển kinh tế.

**III. BÀI TẬP:**

**\* Câu hỏi tự luận:**

1. Chứng minh dầu mỏ là ngành kinh tế quan trọng của khu vực Tây Nam và Trung Á?

2. Dựa vào H5.8 SGK trang 31

a. Hãy tính và vẽ biểu đồ lượng dầu thô chênh lệch giữa khai thác và tiêu dùng của từng khu vực?

b. Lập bảng tính lượng dầu chênh lệch giữa khai thác và tiêu dùng của các khu vực trên.

***\* Câu hỏi trắc nghiệm:***

**Câu 1. Tây Nam Á vùng có tài nguyên nổi tiếng chủ yếu là**

A. dầu mỏ, kim cương. B. khí tự nhiên, dầu mỏ.

C. vàng, đá quý, dầu mỏ. D. khí tự nhiên, vàng.

**Câu 2. So với toàn thế giới, trữ lượng dầu mỏ của Tây Nam Á chiếm khoảng** A. trên 40% .                 B. trên 45%. C. trên 50%.                   D. trên 55%.

**Câu 3.** **Một trong những nguyên nhân gây ra sự mất ổn định ở Tây Nam Á là**

A. phần lớn dân cư trong khu vực theo đạo Hồi.

B. một phần nhỏ dân cư theo các tôn giáo khác.

C. đạo Hồi có ảnh hưởng rất sâu rộng trong khu vực.

D. xung đột giữa các phần tử cực đoan trong đạo Hồi.

**Câu 4. Đặc điểm nào sau đây của khu vực Trung Á mà khu vực Tây Nam Á không có ?**

A. Có vị trí địa – chính trị rất chiến lược. B. Có nhiều dầu mỏ và tài nguyên khác.

C. Tỉ lệ dân cư theo đạo Hồi cao. D. Nằm hoàn toàn trong nội địa.

**Câu 5. Điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của khu vực Tây Nam Á và Trung Á là**

A. đều có khí hậu cận nhiệt và ôn đới.

B. đều có khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc.

C. đều không tiếp giáp với đại dương.

D. đều có nhiều cao nguyên và đông bằng.

**Câu 6. Cho biểu đồ:** Lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng của một số khu vực trên thế giới năm 2015 (triệu thùng/ngày

**Nhận xét nào dưới nào dưới đây không đúng với biểu đồ trên?**

1. Đông Âu là khu vực xuất khẩu dầu, Tây Âu là khu vực nhập khẩu dầu.
2. Đông Á và Tây Âu là các khu vực nhập khẩu dầu.
3. Trung Á, Tây Nam Á, Đông Âu là các nước xuất khẩu dầu.

D. Bắc Mĩ là khu vực nhập khẩu dầu thấp nhất.

**Câu 7. Có ở hầu hết các nước trong khu vực Trung Á đó là nguồn tài nguyên**
 A. tiềm năng thủy điện, đồng. B. dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá.
 C. than đá, đồng, Uranium. D. sắt, đồng, muối mỏ, kim loại hiếm

**Câu 8.**  Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG DẦU THÔ KHAI THÁC Ở MỘT SỐ KHU VỰC CỦA THẾ GIỚI NĂM 2003**

(đơn vị = nghìn thùng/ ngày)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Đông Á** | **Đông Nam Á** | **Trung Á** | **Tây Nam Á** | **Đông Âu** | **Tây Âu** | **Bắc Mỹ** |
| Nghìn thùng/ ngày  | 3414,8 | 2584,4 | 1172,8 | 21356,6 | 8413,2 | 6882,2 | 7986,4 |

**Để thể hiện sản lượng dầu thô khai thác ở một số khu vực của thế giới năm 2003 (nghìn thùng/ ngày), biểu đồ nào sau đây là thích hơp nhất?**

 A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột.

 C. Biểu đồ đường. D. Biều đồ miền.

**Câu 9.** **Vị trí địa lý của khu vực Tây Nam Á là “điểm nóng” của thế giới ngày nay là do**

A. từng có “con đường tơ lụa đi qua”.

B. nơi ra đời nhiều tôn giáo lớn.

C. nằm ở ngã ba đường các châu lục Á, Âu, Phi.

D. nơi hoạt động mạnh của các phần tử cực đoan.

**Câu 10. Tình trạng mất ổn định về chính trị của khu vực Tây Nam Á và Trung Á đã làm cho**

A. tình trạng đói nghèo ngày càng tăng.

B. ô nhiễm môi trường ngày càng nặng.

C. giá dầu thế giới ngày càng tăng cao.

D. tài nguyên ngày càng cạn kiệt.

**IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:**

 Học sinh xem trước bài 6 Tiết 1**.** Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ

**\* Câu hỏi tự luận**

1. Chứng minh dầu mỏ là ngành kinh tế quan trọng của khu vực Tây Nam và Trung Á?

- Cả hai khu vực có trữ lượng dầu mỏ rất lớn, riêng Tây Nam Á chiếm 50% trữ lượng của thế giới đó các quốc gia có sản lượng lớn (Ả-rậpXê-ut, Iran, Irắc, Cô-oet).

- Tây Á và Trung Á có khả năng xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới.

- Khu vực Tây Nam Á chiếm 40% lượng dầu xuất khẩu thế giới

=> đây là nguyên nhân chính tạo nên sự bất ổn định của khu vực.

2. Dựa vào H5.8 SGK trang 31

a. Tính đúng lượng dầu thô chênh lệch giữa khai thác và tiêu dùng của từng khu vực

công thức:

Chênh lệch = khai thác - tiêu dùng

- vẽ biểu đồ lượng dầu thô chênh lệch giữa khai thác và tiêu dùng của từng khu vực ( GV sẽ hướng dẫn )

b. Lập bảng tính lượng dầu chênh lệch giữa khai thác và tiêu dùng của các khu vực trên.

**\* Câu hỏi trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1B | 2C | 3D | 4D | 5B |
| 6D | 7B | 8B | 9C | 10A |

**Lưu ý: giáo viên hỗ trợ cô Trương Thị Hòa – SĐT: 0979612655**